

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 28/9/2020.

*“V/v “Tranh chấp không  
công nhận là vợ chồng”.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Phước Tài.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Huỳnh Phước

2. Ông Hà Văn Châu

***Thư ký phiên tòa:*** Ông **Nguyễn Minh Thuận** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng tham gia phiên tòa:***  
Bà Phạm Thúy Trang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án án hôn nhân và gia đình số: 173/2020/TLST-HNGĐ về việc “Tranh chấp không công nhận là vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 209/2020/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 9 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 117/2020/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị Như Y**, sinh năm 1992 (có mặt).

Hộ khẩu thường trú: Ấp H, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

Địa chỉ tạm trú: đường N, khóm 6, phường 6, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn:* Ông **Trần Trường G**(vắng mặt)

Địa chỉ: đường M, khóm 5, phường 9, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 19 tháng 6 năm 2020 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Như Ý trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Như Ý và ông Trần Trường G tự nguyện sống chung có tổ chức lễ cưới vào ngày 22/3/2020, nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, nên không còn tình cảm.

Về con chung: Trong thời gian sống chung bà Ý và ông G không có con chung, con nuôi.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Nay nguyên đơn bà Ý yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu không công nhận bà Nguyễn Thị Như Ý và ông Trần Trường G là vợ chồng.

Về con chung: Không có, nên không yêu cầu.

Về tài sản chung: Không có, nên không yêu cầu.

Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu.

Trong quá trình giải quyết vụ án phía bị đơn là ông Trần Trường G đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, nhưng bị đơn không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án cũng đã triệu tập hợp lệ bị đơn để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, cũng như tham gia phiên Tòa, nhưng bị đơn đều vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa hôm nay, vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử tiến hành nghị án, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về trình tự, thủ tục tố tụng. Đối với những người tham gia tố tụng thì trước và tại phiên tòa hôm nay chấp hành đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa sơ thẩm Hội đồng xét xử, thư ký thực hiện đúng trình tự thủ tục tại phiên tòa. Đối với bị đơn là ông Trần Trường G đã không chấp hành việc có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án.

Về nội dung, Vị đại diện Viện kiểm sát nêu quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định

[1] Về sự vắng mặt của bị đơn ông Trần Trường G, xét thấy: Bị đơn ông G đã được Toà án tổng đặt các văn bản tố tụng là quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa theo trình tự thủ tục tố tụng, nhưng ông G vẫn không có mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc không công nhận quan hệ giữa bà Nguyễn Thị Như Y và ông Trần Trường G là vợ chồng. Thấy rằng, bà Nguyễn Thị Như Y, sinh năm 1992 và ông Trần Trường G, sinh năm 1992 tự nguyện sống chung có tổ chức lễ cưới vào ngày 22/3/2020, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Từ kết quả xác minh trên thực tế, thời điểm bà Y và ông G sống chung với nhau hai bên đều đủ điều kiện kết hôn. Được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới nhưng không tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn với nhau theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Việc bà Y và ông G không thực hiện các quy định của pháp luật khi chung sống với nhau mà không đăng ký kết hôn tại cơ quan chức năng có thẩm quyền là vi phạm pháp luật về hôn nhân và gia đình. Xét đơn khởi kiện của bà Y yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông G là có cơ sở. Vì vậy Hội đồng xét xử quyết định không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Như Y và ông Trần Trường G để hai người sớm ổn định cuộc sống là phù hợp với quy định tại Điều 9, Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 9/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

[3] Về con chung: Theo bà Y trình bày trong quá trình bà sống chung với ông G không có con chung, con nuôi; cho nên Toà án không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Theo bà Y trình bày trong thời gian chung sống giữa bà và ông G không có tạo lập tài sản chung cũng như không có nợ chung, cho nên Toà án không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Bà Y phải nộp theo quy định của Pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ: Các Điều 9, 14, 16, 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ: Điều 147, 227, 228, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ: Điều 27 Nghị quyết số 326//UBTVQH14 ngày 30/12/016 quy định về mức thu, miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Như Y.

Tuyên bố không công nhận bà Nguyễn Thị Như Y và ông Trần Trường G là vợ chồng.

2. Về con chung: Toà án không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Toà án không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Toà án không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Như Y phải chịu là 300.000 đồng; Nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà Y đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0004465 ngày 10/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố S bà Y đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

6. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

#### **Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSNDTP Sóc Trăng;
- Chi cục THADS TP Sóc Trăng;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Lê Phước Tài**



